

Số: 857/QĐ-SXD

Hà Nam, ngày 07 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng
của Sở Xây dựng Hà Nam

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG HÀ NAM

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; Nghị định 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 39/NĐ-CP và Nghị định số 65/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Hà Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Sở Xây dựng Hà Nam".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 390/QĐ-SXD ngày 05/4/2012 của Sở Xây dựng về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Sở Xây dựng Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; thành viên của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Sở; Trưởng các phòng, Giám đốc các Trung tâm thuộc Sở và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, VP.



Phạm Mạnh Hùng

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng của Sở Xây dựng Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 857/QĐ-SXD ngày 07/6/2016
của Sở Xây dựng Hà Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Sở Xây dựng Hà Nam.

Các nội dung không được nêu trong quy chế này thì thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định của Chính phủ về Thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các đơn vị, cá nhân là công chức, viên chức, người lao động thuộc ngành xây dựng, có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển của ngành đều được xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét công nhận các danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua gồm:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Căn cứ xét công nhận các danh hiệu thi đua:

a) Căn cứ vào kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua; thành tích thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

b) Các danh hiệu thi đua phải đăng ký bằng văn bản với nội dung phần đầu cụ thể theo tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và được gửi về Hội đồng thi đua khen thưởng Sở trước ngày 15 tháng 02 hàng năm để theo dõi, đánh giá thi đua, xét khen thưởng khi sơ kết, tổng kết.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng gồm:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
- b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

đ) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

e) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn.

g) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cũng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ để xét khen thưởng.

h) Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

i) Trong dịp tổng kết năm, mỗi cá nhân chỉ đề nghị khen thưởng một danh hiệu thi đua hoặc một hình thức khen thưởng ở cấp tỉnh hoặc cấp Nhà nước.

Đối với cá nhân là lãnh đạo (*lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc*) khi xét danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng phải căn cứ vào thành tích của tập thể mà cá nhân đó lãnh đạo. Số lượng cá nhân là lãnh đạo được xét khen thưởng ở cấp tỉnh và cấp Nhà nước được thực hiện như sau:

- Tập thể được tặng danh hiệu "Lao động xuất sắc" hoặc Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét khen thưởng 01 đồng chí lãnh đạo;

- Tập thể không được khen thưởng ở cấp tỉnh hoặc cấp Nhà nước thì cá nhân là lãnh đạo không được đề nghị khen thưởng ở cấp tỉnh và cấp Nhà nước.

2. Căn cứ xét khen thưởng:

a) Đăng ký thi đua, tiêu chuẩn khen thưởng;

b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;

c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

d) Tập thể, cá nhân đã được tặng Huân chương Lao động hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thì ít nhất phải sau 2 năm mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng Bằng khen (*trừ các hình thức khen thưởng chuyên đề, đột xuất*).

3. Không xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Đối với tập thể:

+ Không đăng ký thi đua;

+ Có thời gian thành lập, hoạt động dưới 12 tháng;

+ Có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

+ Có Trưởng, phó các phòng, đơn vị sinh con thứ ba trở lên;

+ Nội bộ mất đoàn kết, Đảng bộ, chi bộ không đạt trong sạch vững mạnh;

+ Có vụ việc sai phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật.

b) Đối với cá nhân:

+ Không đăng ký thi đua;

+ Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

+ Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;

+ Nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên (*trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế*);

+ Sinh con thứ ba trở lên;

+ Có vụ việc tiêu cực, tham nhũng, sai phạm trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc có dấu hiệu sai phạm đang chờ các cơ quan có thẩm quyền kết luận;

Điều 5. Trách nhiệm của Lãnh đạo Sở và Lãnh đạo các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Sở

1. Tuyên truyền cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng;

2. Tổ chức các phong trào thi đua gắn với các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị; phát hiện, lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích xứng đáng để đề nghị khen thưởng kịp thời; nêu gương người tốt, việc tốt và các điển hình tiên tiến, cổ động phong trào thi đua;

3. Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng;

4. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, sơ kết, tổng kết công tác thi đua;

5. Thực hiện tốt chính sách thi đua, khen thưởng nhằm động viên mọi người tích cực thi đua lao động, học tập và công tác.

Điều 6. Nguồn kinh phí để khen thưởng

Thực hiện theo Điều 67, 68, 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên được thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Đối tượng thi đua thường xuyên là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở nhằm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình kế hoạch công tác đề ra.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của Sở hoặc lập thành tích chào mừng các ngày kỷ niệm của ngành, của tỉnh.

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị;
2. Xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; “Lao động tiên tiến”;
2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm: “Cờ thi đua của Chính phủ”; Cờ thi đua cấp tỉnh; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Tập thể lao động tiên tiến”;

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc (*không xem xét các sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu mà cá nhân đó chỉ là đồng tác giả*).

2. Thời điểm đề nghị xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam” lần thứ hai.

3. Cá nhân được đề nghị Thủ tướng Chính phủ phong tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt từ 90% trở lên số phiếu nhất trí của đơn vị và của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Sở.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu trong khoảng thời gian 3 năm tính đến thời điểm cá nhân đó đề nghị có tác dụng ảnh hưởng tốt trong phạm vi toàn tỉnh do Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh công nhận.

2. Thời điểm đề nghị xét công nhận Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam” là năm thứ 3 cá nhân đó đạt được Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

3. Cá nhân được đề nghị công nhận Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam” phải đạt từ 90% trở lên số phiếu nhất trí của đơn vị và của Hội đồng TĐKT Sở.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng và Sở công nhận.

c) Có 2/3 số phiếu đồng ý, tính trên tổng số thành viên Hội đồng TĐKT Sở.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến của Sở công nhận.

a) Hội đồng sáng kiến Sở do Giám đốc Sở thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

b) Việc xét công nhận Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được tiến hành hàng năm vào dịp tổng kết cuối năm.

3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” không quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Những cá nhân được đánh giá xếp loại “Công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và “Đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” là những cá nhân được xem xét đầu tiên trong tỷ lệ 15% trên.

Nếu số lượng cá nhân được đánh giá xếp loại “Công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và “Đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” bằng tỷ lệ 15% trên thì Hội đồng TĐKT chỉ bỏ phiếu suy tôn và cá nhân phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu thành viên Hội đồng nhất trí suy tôn mới được đề nghị công nhận;

Nếu số lượng cá nhân được đánh giá xếp loại “Công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và “Đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” vượt quá tỷ lệ 15% trên thì Hội đồng sẽ bỏ phiếu suy tôn, kết quả lấy theo độ dốc và cá nhân phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu thành viên Hội đồng nhất trí suy tôn mới được đề nghị công nhận;

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

đ) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại Sở để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên

tiên". Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

e) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến".

f) Đối với cá nhân chuyển công tác, trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.

2. Căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, kết quả hoàn thành nhiệm vụ Giám đốc Sở có quyền quy định tỷ lệ cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" trong đơn vị.

Điều 14. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

4. Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

6. Đạt 2/3 trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng TĐKT Sở.

Điều 15. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

đ) Đạt 2/3 trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng Sở.

2. Căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, kết quả hoàn thành nhiệm vụ Giám đốc Sở quy định tỷ lệ tập thể được công nhận Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" trong đơn vị.

Chương III

CÁC LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG; HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 16. Các hình thức khen thưởng

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
3. Giấy khen của Giám đốc Sở.

Điều 17. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ .

2. Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn) của Sở để đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đã đạt được.

Điều 18. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

1. Đối với cá nhân:

Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;
- b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng lớn trong từng lĩnh vực;
- c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Đối với tập thể:

Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng lớn trong từng lĩnh vực;
- c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tỷ lệ được tặng Giấy khen:

a) Đối với cá nhân: Không quá 50% trên tổng số những cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" nhưng chưa đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

b) Đối với tập thể: Không quá 50% trên tổng số những tập thể đạt danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" nhưng chưa đạt danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc".

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ TRAO TẶNG THỦ TỤC HỒ SƠ VÀ QUY TRÌNH XÉT TẶNG

Điều 20. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng: "Cờ thi đua"; danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"; "Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam"; Bằng khen.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng: Bằng khen (*Bộ trưởng Bộ Xây dựng chỉ xét tặng hình thức khen thưởng cho các đơn vị thuộc ngành xây dựng; không xét tặng danh hiệu thi đua cho các đơn vị thuộc ngành xây dựng*).

2. Giám đốc Sở Xây dựng quyết định tặng: Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và "Giấy khen."

3. Đối với các danh hiệu và hình thức khen thưởng không nêu trong quy chế này được áp dụng thực hiện theo các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và Quy chế về công tác thi đua khen thưởng theo Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh Hà Nam.

Điều 21. Nguyên tắc trình khen thưởng

1. Trưởng các phòng chuyên môn, Giám đốc Trung tâm trực thuộc Sở có trách nhiệm trình Hội đồng TĐKT Sở đối với cá nhân, tập thể thuộc phạm vi mình quản lý;

2. Giám đốc Sở căn cứ quyết định khen thưởng có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng đối với cá nhân, tập thể theo cấp khen thưởng.

Điều 22. Quy định về hồ sơ, thủ tục

1. Tờ trình của đơn vị (02 bản);

2. Biên bản bình xét thi đua, khen thưởng; biên bản kiểm phiếu của Hội đồng TĐKT (02 bản);

3. Báo cáo thành tích (*theo mẫu quy định*) của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có dấu giáp lai và xác nhận của đơn vị đề nghị khen thưởng; báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, khen thưởng:

+ Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh: 01 báo cáo;

+ Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ: 03 báo cáo, có gửi file đính kèm (Trường hợp phải hiệp y của các bộ ngành Trung ương: 04 báo cáo thành tích).

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng kèm theo:

- Bản sao các quyết định, bằng khen, giấy chứng nhận của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng;

- Bản tổng hợp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng (*căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công chức có xác nhận của cơ quan, đơn vị*);

- Quyết định công nhận sáng kiến, đề tài; phát minh, sáng chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo cấp cơ sở và cấp tỉnh.

Đối với doanh nghiệp và Giám đốc doanh nghiệp phải có giấy xác nhận đơn vị hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm các quy định về vệ sinh công nghiệp và môi trường, sinh thái của cơ quan có thẩm quyền quy định.

- Đối với Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” ngoài quy định trên phải kèm theo kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Sở và đề tài khoa học, sáng kiến, giải pháp công tác được phổ biến và áp dụng rộng rãi từ cấp tỉnh trở lên, được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp tỉnh công nhận.

Điều 23. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng

Hội đồng TĐKT Sở có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng của các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc.

Điều 24. Lễ trao tặng

Việc công bố và trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là dịp để tôn vinh người tốt, việc tốt và gương điển hình tiên tiến, do đó phải tổ chức trang trọng; song phải đảm bảo hiệu quả, thiết thực, tránh biểu hiện phô trương, lãng phí. Tổ chức cùng với hội nghị tổng kết năm hoặc tổ chức kỷ niệm ngày thành lập Ngành xây dựng (28/4).

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Tập thể, cá nhân nào gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà còn bị xử lý kỷ

luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ, quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Đơn vị có quyền khiếu nại về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Giám đốc Sở có thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

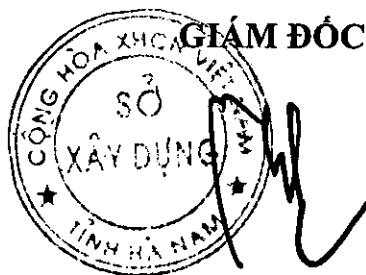
Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hội đồng TĐKT Sở có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở về công tác thi đua, khen thưởng trong đơn vị;

Định kỳ hàng năm (31/3 và 15/10), các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá và gửi báo cáo về Hội đồng TĐKT Sở để theo dõi và làm căn cứ xét khen thưởng;

Quy chế này được phổ biến đến tất cả các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Sở. Hội đồng TĐKT Sở có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện;

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc cần phản ánh kịp thời về Hội đồng TĐKT Sở để cùng thống nhất, bổ sung, sửa đổi đúng pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng./.



Phạm Mạnh Hùng